

Số: 239/QĐ-TTYT

Đức Cơ, ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thu - chi ngân sách Quý II năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thu - chi ngân sách nhà nước quý II năm 2025.

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu- chi ngân sách quý II năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ. (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng, phó các khoa, phòng Bệnh Viện, Y tế Dự Phòng, Dân số và các Trạm Y tế xã thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Ban GD;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, KT.

GIÁM ĐỐC



BS. CKI. NGUYỄN TẤN DŨNG

Đơn vị: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC CƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 423

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đức cơ, ngày 10 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách,

Trung tâm y tế Đức Cơ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Q2 năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với năm trước (tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	9.133.000.000	3.052.253.350			
1	Lệ phí					
	Lệ phí...					
	Lệ phí...					
2	Phí	9.133.000.000	3.052.253.350	33%		
	Viện phí	500.000.000	553.267.940	111%		
	BHYT	8.500.000.000	2.465.235.410	29%		BHXH chưa thẩm định số quyết toán
	Thu khác	150.000.000	37.500.000	25%		
	Nộp NSNN	17.000.000	3.750.000	22%		
	Còn lại để lại chi	133.000.000	33.750.000	25%		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.133.000.000	2.992.627.216			
1	Chi sự nghiệp y tế (BHYT+VP)	9.133.000.000	2.992.627.216			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.133.000.000	2.992.627.216			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
2	Phí	17.000.000	3.750.000			
	Thu khác (nộp thuế)	17.000.000	3.750.000			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
I	Nguồn ngân sách trong nước					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Q2 năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với năm trước (tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	29.945.082.000	8.697.370.684			
	Bệnh viện ngân sách nhà nước cấp	6.773.000.000	2.603.197.639			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.103.000.000	2.603.197.639	43%		
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Tiền thưởng)	670.000.000	-	0%		
	Ban y tế dự phòng	4.170.862.000	1.062.975.352			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.108.000.000	859.816.201	28%		
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)		-			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.062.862.000	203.159.151			
	Phụ cấp biên giới	394.000.000	133.621.488	34%		
	Kinh phí CTMT - Y tế Dân số	540.862.000	58.327.550	11%		
	Kinh phí CTMT Quốc Gia		11.210.113			
	Tiền thưởng	128.000.000	-	0%		
	Y tế xã	15.886.000.000	4.200.429.737			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.619.000.000	3.261.170.894	26%		
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)		-			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.267.000.000	939.258.843	29%		
	Dân số	3.110.000.000	825.547.956			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.032.000.000	486.023.316	24%		
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)		-			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.078.000.000	339.524.640	31%		
	KP hỗ trợ bác sỹ theo NQ 103	360.000.000	261.600.000	73%		
	Hỗ trợ tiền cho Tết 2025 cho nhân viên (BV+Xã+DP+DS)	0	0			
	Hỗ trợ tiền cho Tết 2025 cho bệnh nhân	5.220.000	5.220.000	100%		
	Kinh phí CCTL	101.064.447	0			

Đức cơ, ngày 10 tháng 7 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



ĐỖ CƯỜNG NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ II NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 239 /QĐ-TTYT ngày 10 tháng 7 năm 2025)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	phí				
I	Số thu phí, lệ phí	3.056.003.350			
1	Lệ phí				
2	Thu hoạt động dịch vụ	3.056.003.350			
	1. BHYT+VP	3.018.503.350			
	Viện phí	553.267.940			
	BHYT đề nghị quyết toán	2.465.235.410	Số đề nghị chưa được BH thẩm định, đã điều chỉnh giảm tăng doanh thu Q1 5.487.996 đồng sau khi BHXH duyệt QT quý 1 năm 2025		
	2. Thu khác chưa nộp thuế	37.500.000			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	2.992.627.216			
1	Chi sự nghiệp y tế (BHYT+VP+Thu khác)	2.992.627.216			
	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên năm 2025	2.992.627.216			
	Tiền lương	503.427.834			
	Phụ cấp lương	420.406.550			
	Phúc lợi tập thể	4.400.000			
	Các khoản đóng góp				
	Thanh toán dịch vụ công cộng	242.086.281			
	Vật tư văn phòng	209.160.740			
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.340.683			
	Hội nghị	1.994.000			
	Công tác phí	11.570.000			
	Chi phí thuê mướn	336.104.379			
	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng	32.414.980			
	Mua sắm phục vụ công tác chuyên môn	21.449.000			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.187.091.769			
	Mua sắm tài sản vô hình	8.400.000			
	Chi khác	10.781.000			
	Trích lập các quỹ				
	Trích hao mòn				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	3.750.000			
1	Thu khác	3.750.000			
	Nộp thuế	3.750.000			
IV	A. Kinh phí còn lại	59.626.134			
	(1). Nguồn BHYT + Viện phí	25.876.134			
	(2). Thu khác đã nộp thuế	33.750.000			

	D. Các Quỹ năm 2025				
	Tồn đầu quý	1.784.576.067			
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.549.326.299			
	Quỹ phúc lợi	87.489.214			
	Quỹ Khen thưởng	35.140.495			
	Quỹ TTN và DP ổn định thu nhập	112.620.059			
	Trích trong quý	187.691.117			
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	46.922.779			
	Quỹ phúc lợi	28.153.669			
	Quỹ Khen thưởng	3.753.822			
	Quỹ TTN và DP ổn định thu nhập	108.860.847			
	Chi trong quý	337.953.903			
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	107.579.820			
	Quỹ phúc lợi	77.500.000			
	Quỹ Khen thưởng	21.060.000			
	Quỹ TTN và DP ổn định thu nhập	131.814.083			
	Tồn chuyển quý sau	1.634.313.281			
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.488.669.258			
	Quỹ phúc lợi	38.142.883			
	Quỹ Khen thưởng	17.834.317			
	Quỹ TTN và DP ổn định thu nhập	89.666.823			
	Nguồn CCTL				
	Tồn 2024 mang sang				
	Trích trong quý	101.064.447			
	Chi trong quý				
	Tồn cuối quý	101.064.447			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	nghệ				
3	nghệ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.697.370.684			
	Bệnh viện	2.603.197.639			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.603.197.639	NSNN cấp bù lương năm 2025		
	Tiền lương	1.182.565.566			
	Phụ cấp lương	1.024.098.564			
	Các khoản đóng góp	396.533.509			
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Tiền thưởng)				
	Ban y tế dự phòng	1.062.975.352			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	859.816.201			
	Tiền lương	438.796.800			
	Phụ cấp lương	243.504.144			
	Phúc lợi tập thể	2			

TIN
G TÀ
TÊ
CƠ

	Các khoản đóng góp	100.216.114			
	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.905.438			
	Vật tư văn phòng	42.778.753			
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	495.000			
	Công tác phí	19.886.000			
	Chi phí thuê mượn				
	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng	250.000			
	Mua sắm phục vụ công tác chuyên môn				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
	Mua sắm tài sản vô hình				
	Chi khác	3.983.952			
	Trích lập các quỹ trong năm				
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	203.159.151			
	Phụ cấp biên giới	133.621.488			
	Kinh phí CTMT - Y tế Dân số	58.327.550			
	Kinh phí CTMT Quốc Gia	11.210.113			
	Tiền thưởng				
	Y tế xã	4.200.429.737			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.261.170.894			
	Tiền lương	1.542.086.743			
	Phụ cấp lương	950.926.297			
	Phúc lợi tập thể				
	Các khoản đóng góp	356.006.456			
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Thanh toán dịch vụ công cộng	43.311.601			
	Vật tư văn phòng	240.619.670			
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.930.741			
	Công tác phí	25.276.000			
	Chi phí thuê mượn	9.000.000			
	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng	15.160.000			
	Mua sắm phục vụ công tác chuyên môn				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	26.853.386			
	Mua sắm tài sản vô hình	42.000.000			
	Chi khác	6.000.000			
	Trích lập các quỹ trong năm				
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	939.258.843			
	Phụ cấp thu hút	77.510.160			
	Phụ cấp ưu đãi nghề	289.775.651			
	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có ĐK KTX	179.712.000			
	Phụ cấp khác	392.261.032			
	Phụ cấp trợ cấp lần đầu				
	Tiền thưởng				
	Dân số	825.547.956			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	486.023.316			
	Tiền lương	277.711.200			
	Phụ cấp lương	127.305.360			
	Phúc lợi tập thể				
	Các khoản đóng góp	59.918.904			
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Thanh toán dịch vụ công cộng	8.647.852			
	Vật tư văn phòng				

	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
	Công tác phí	12.240.000			
	Chi phí thuê mướn				
	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng	200.000			
	Mua sắm phục vụ công tác chuyên môn				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
	Mua sắm tài sản vô hình				
	Chi khác				
	Trích lập các quỹ trong năm				
4.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (CCTL)				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	339.524.640			
	Phụ cấp thu hút				
	Phụ cấp ưu đãi nghề	49.944.960			
	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có ĐK KTX	24.336.000			
	Phụ cấp khác (Biên giới)	42.709.680			
	Phụ cấp CTV + NĐ 39	222.534.000			
	Tiền thưởng				
	KP hỗ trợ bác sỹ theo NQ 103	261.600.000			
	Hỗ trợ tiền cho Tết 2025 cho nhân viên (BV+Xã+DP+DS)	-			
	Hỗ trợ tiền cho Tết 2025 cho bệnh nhân	5.220.000			

Đức cơ, ngày 10 tháng 7 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIAM ĐỐC

ĐO. CKI. NGUYỄN TẤN DŨNG